TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Để và bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị D, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh M, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

(Chị D có mặt, anh M vắng mặt lần hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Năm 2022 chị D và anh M đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường xảy ra mâu thuẫn, anh M đánh chị D nhiều lần, cũng đã nhiều lần cha mẹ qua nói chuyện nhưng anh M không sửa. Nay không thể sống chung được nữa nên yêu cầu ly hôn. Anh chị có 01 người con chung là A, sinh ngày 12/9/2022, hiện nay chị D đang nuôi, chị D yêu cầu được

tiếp tục nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng. Chị D trình bày không có tài sản và nợ nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày và tranh luận tại phiên tòa, nhưng tại phiên hòa giải, bị đơn là anh M có trình bày:* Trong cuộc sống không thể không có mâu thuẫn. Thừa nhận có đánh chị D, nhưng hiện nay con còn quá nhỏ, bản thân còn rất thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Việc anh M đánh chị D là sai và đã nhận lỗi, hứa từ nay về sau sẽ sửa chữa, khắc phục. Về hôn nhân, con chung và tài sản chị D trình bày là đúng.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần hai không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D và giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị D yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*.

Tòa án đã triệu tập bị đơn hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Năm 2022 anh M và chị D đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, anh M nhiều lần đánh chị D được gia đình khuyên ngăn nhưng không sửa đổi, chị D về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng anh chị không hàn gắn được, chị D vẫn cương quyết ly hôn. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị D được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Hiện tại anh chị có một người con chung là A, sinh ngày 12/9/2022, hiện nay chị D đang nuôi và chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Xét thấy, từ trước đến nay chị D trực tiếp nuôi con và cháu A được nuôi dạy tốt; đến nay cháu A chưa được 03 tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ. Anh M vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Nếu chị D không đủ điều kiện hoặc vi phạm nghĩa vụ nuôi con thì anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của chị D nhưng chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh M xác định không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh M. Cho chị D được ly hôn với anh M.

2- Về con chung: Giao A, sinh ngày 12/9/2022 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị D vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không

còn đủ điều kiện nuôi con thì anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001278 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An M, tỉnh Kiên Giang.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận